**Hoàn cảnh Kiều ở lầu Ngưng Bích mẫu 4**

Truyện Kiều là một kiệt tác văn học. Có thể ví tác phẩm như một trái bom nổ giữa làng văn và có thể làm vinh dự cho bất cứ một nền văn học nào có nó. Bởi truyện đã đạt tới trình độ mẫu mực về mặt nội dung và nghệ thuật độc đáo. Một trong các nghệ thuật làm nên sức hấp dẫn và thành công của "Truyện Kiều" đó là nghệ thuật khắc họa hình tượng và diễn biến tâm trạng nhân vật. Đoạn trích "Kiều ở lầu Ngưng Bích" là đoạn trích hay, là minh chứng tiêu biểu cho nghệ thuật này. Qua đoạn trích chúng ta thấy được tâm trạng phức hợp trong lòng Kiều khi một mình phải bơ vơ nơi đất khách quê người, không biết phải bấu víu và nương tựa vào đâu.

Trích đoạn nằm ở phần thứ hai "Gia biến và lưu lạc" của "Truyện Kiều". Sau khi bán mình cho Mã Giám Sinh để có tiền chuộc cha và em, Kiều đã "thất thân" với hắn "đuốc hoa để đó mặc nàng nằm trơ", rồi nàng bị hắn bán vào lầu xanh, làm gái làng chơi. Biết mình bị lừa và phải làm nghề dơ bẩn, Kiều uất ức, rút dao định tự vẫn. Tú Bà sợ hãi "Thôi thôi vốn liếng đi đời nhà ma", nhanh trí, mụ liền vờ hứa hẹn đợi Kiều bình phục sẽ gả chồng cho nàng vào nơi tử tế. Nhưng thực chất, Kiều bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích và mụ ta đang đợi cơ hội thực hiện âm mưu mới, ép nàng phải ra làm việc đó. Vì thế "Kiều ở lầu Ngưng Bích" là đoạn đầu tiên, đánh dấu bước ngoặt cuộc đời của Kiều trong mười lăm năm lưu lạc. Đoạn trích dựng lên tâm trạng cô đơn, buồn tủi và tấm lòng thủy chung son sắt với người yêu, hiếu thảo với cha mẹ của Thúy Kiều khi đang phải một mình bơ vơ, lạc lõng nơi xứ lạ người xa. Đồng thời qua đoạn trích, người đọc thấy được bút pháp "tả cảnh ngụ tình" độc đáo, đạt tới trình độ điêu luyện bậc thầy của thiên tài văn học Nguyễn Du.

Trước hết là sáu câu thơ đầu là tâm trạng cô đơn, bất hạnh, đáng thương và tội nghiệp của Kiều trước thiên nhiên ở lầu Ngưng Bích. Ngay câu thơ mở đầu: "Trước lầu Ngưng Bích khóa xuân", Nguyễn Du đã nêu bật lên cảnh ngộ đáng thương của Kiều. "Khóa xuân" tức khóa kín tuổi xuân và ở đây ý nói về việc Kiều đang bị giam lỏng. Vậy là tuổi thanh xuân của nàng Kiều bị giam hãm, khóa kín trong cấm cung và không được giao tiếp với bên ngoài. Vì thế, lầu Ngưng Bích như là nhà tù giam lỏng cuộc đời Kiều, nó cho thấy tình cảnh đáng thương, xót xa mà nàng Kiều phải chịu đựng.

Những câu thơ tiếp theo, tái hiện quang cảnh xung quanh lầu Ngưng Bích rộng lớn, mênh mông được nhìn dưới con mắt đầy tâm trạng của Kiều:

Vẻ non xa tấm trăng gần ở chung
Bốn bề bát ngát xa trông
Cát vàng cồn nọ bụi hồng dặm kia
Bẽ bàng mây sớm đèn khuya
Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng.

Nguyễn Du đã đặt Kiều trong một cảnh ngộ rất đặc biệt: một mình, cô đơn, trơ trọi giữa một không gian rộng lớn, mênh mông: "bốn bề bát ngát". Đứng trên lầu mà ngước mắt lên trời cao, Kiều chỉ thấy "non xa" và "tấm trăng gần". Nhìn xuống mặt đất chỉ thấy khoảng không trống vắng, xa xa là những con sóng lượn, những bãi cát dài phẳng lặng nối tiếp nhau, dưới ánh nắng của buổi chiều tà, bãi cát như trở nên lấp lánh giống như những bụi hồng. Cảnh thật đẹp, thơ mộng, lãng mạn nhưng đượm buồn. Bởi xung quanh Kiều, không hề có một chút bóng dáng sự sống của con người. Vì thế, từ “xa trông” như miêu tả cái nhìn xa xăm của Kiều, nàng đang cố gắng kiếm tìm một chút bóng dáng, sự sống xung quanh. Nhưng tuyệt nhiên chỉ là một không gian vắng lặng, tĩnh tại, không có chút động nhỏ bé nào đó xung quanh mình. Sau này trong bài thơ "Tràng Giang", Huy Cận cũng từng có câu thơ:

Mênh mông không một chuyến đò ngang
Không cầu gợi chút niềm thân mật
Lặng lẽ bờ xanh tiếp bãi vàng.

Vì thế, ẩn sau ánh mắt nhìn "xa trông" như đang trông mong, ngóng chờ ấy là niềm mong mỏi, khát khao, đợi chờ một tương lai hạnh phúc phía trước nhưng trước không gian trống trải, hoang vắng ấy thì chắc chắn chỉ làm cho Kiều trở nên thất vọng, cô đơn hơn mà thôi.

Bẽ bàng mây sớm đèn khuya
Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng.

Tính từ “bẽ bàng” gợi lên sự xấu hổ và tủi thẹn của Kiều khi nghĩ đến thân phận và duyên phận của mình. Có lẽ, nàng cảm thấy xấu hổ là vì bị Mã Giám Sinh lừa vào lầu xanh, còn nàng cảm thấy tủi thẹn là vì cảm thấy không còn xứng đáng với tình cảm mà Kim Trọng mong chờ. Cụm từ “mây sớm đèn khuya” gợi nên vòng tuần hoàn thời gian khép kín và ẩn sau đó là sự cô đơn, đơn điệu, nhàm chán khi mà ở đó Kiều chỉ có một thân một mình đối diện với chính mình, sớm thì làm bạn với mây, tối thì lại chỉ biết trò chuyện với bóng đèn. Vì thế tâm trạng của Kiều mới chia đôi thành hai ngả: “nửa tình – nửa cảnh như chia tấm lòng”. Cảnh có đẹp đến bao nhiêu đi chăng nữa cũng không thể nào khỏa lấp đi tâm trạng “bẽ bàng” của nàng.

Tóm lại: Bằng bút pháp tả cảnh ngụ tình, kết hợp với những từ ngữ giàu tính tạo hình và biểu cảm, Nguyễn Du đã phác họa được khung cảnh lầu Ngưng Bích rất rộng lớn, mênh mông và tuyệt nhiên không có sự sống của con người. Đồng thời qua đó, tác giả còn cho thấy được tâm trạng cô đơn, tủi hổ, bẽ bàng của Kiều khi bị giam lỏng trong lầu Ngưng Bích.

Trong nỗi cô đơn cố hữu đang bủa vây quanh mình, khi một mình Kiều phải bơ vơ dưới góc bể chân trời ở lầu Ngưng Bích thì nỗi nhớ gia đình, nỗi nhớ người yêu đến như một lẽ tất yếu, rất phù hợp với qui luật tâm lí của con người xa quê. Tám câu thơ tiếp là nỗi niềm thương nhớ Kim Trọng và cha mẹ của Kiều.Đến đây, chúng ta thấy được cách dùng từ rất đắc địa, khéo léo của nhà thơ. Để diễn tả nỗi nhớ của Kiều dành cho chàng Kim, tác giả đã dùng động từ “Tưởng”. Tưởng là nhớ tới mức hình dung ra Kim Trọng đang ở trước mắt trò chuyện với Kiều. Kiều nhớ đến đêm trăng thề nguyện, hai người cùng uống chén rượu thủy chung, hứa sẽ bên nhau trọn đời. Nhưng bây giờ nàng đang phải lạc lõng nơi đất khách, nên nàng tưởng Kim Trọng đang đợi tin tức của mình, còn mình thì bặt vô âm tín:

Tưởng người dưới nguyệt chén đồng
Tin sương luống những rày trông mai chờ

Rồi nàng băn khoăn tự hỏi:

Tấm son gột rửa bao giờ cho phai.

Câu thơ như một lời khẳng định về tấm lòng son sắt, thủy chung của Kiều đối với Kim Trọng dù trên bước đường đời có phải trải qua bao sóng gió thì tấm lòng son ấy mãi vẹn nguyên. Đồng thời, đây cũng là lời tự vấn lương tâm của Kiều, Kiều cho rằng tấm lòng son sắt của mình với Kim Trọng đã bị hoen ố, đã bị dập vùi khi Kiều đã thất thân với Mã Giám Sinh nên không biết bao giờ mới gột rửa cho sạch được vết nhơ nhuốc ấy. Như vậy, trong nỗi nhớ chàng Kim, Thúy Kiều không chỉ bộc lộ nỗi niềm mong ngóng khắc khoải mà còn bộc lộ cả nỗi đau đớn, cùng cực, tủi hổ đến xé tâm can. Qua đó cho thấy được tấm lòng thủy chung, son sắt của Kiều dành cho Kim Trọng.

Sau nỗi nhớ người yêu, Kiều tiếp tục nhớ tới cha mẹ - người thân yêu ruột thịt của mình:

Xót người tựa cửa hôm mai
Quạt nồng ấp lạnh những ai đó giờ?
Sân Lai cách mấy nắng mưa,
Có khi gốc tử đã vừa người ôm.

Nếu như khi diễn tả nỗi nhớ chàng Kim của Kiều, Nguyễn Du dùng động từ "tưởng" thì khi diễn tả tấm lòng hiếu lễ với cha mẹ của Kiều, tác giả lại sử dụng tính từ “Xót”. Xót nghĩa là thương, thương đến mức xót xa trong lòng. Không xót xa sao được khi một đứa con hiếu thảo như Kiều lại cứ nghĩ đến hình ảnh cha mẹ đang tựa cửa ngóng chờ con trở về, còn con thì vẫn bóng chim tăm cá, không thấy đâu. Nàng còn lo lắng cho cha mẹ khi mà đã tuổi cao sức yếu không biết có ai chăm sóc cho không, hai em có làm tốt nghĩa vụ và trách nhiệm của phận làm con hay không. Cụm từ “cách mấy nắng mưa” có tính chất gợi tả thời gian, cho thấy sự xa cách của biết bao ngày mưa nắng nhưng cũng đồng thời gợi đến khoảng cách về không gian địa lí, sự xa xôi cách trở giữa nàng với cha mẹ biết bao giờ được gặp lại để làm tròn bổn phận làm con. Qua tâm trạng xót xa, buồn tủi và lo lắng khi nhớ về cha mẹ, gia đình của Kiều, chúng ta thấy được tấm lòng thảo thơm, hiếu nghĩa của Kiều dành cho cha mẹ rất là lớn lao, cao cả và thiêng liêng.

Đoạn thơ khép lại với tám câu thơ cuối thể hiện tâm trạng đau buồn, lo âu của Kiều qua cách nhìn cảnh vật:

Buồn trông cửa bể chiều hôm
Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa?
Buồn trông ngọn nước mới sa
Hoa trôi man mác biết là về đâu?
Buồn trông nội cỏ rầu rầu
Chân mây mặt đất một màu xanh xanh
Buồn trông gió cuốn mặt duềnh
Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi.

Điệp ngữ “buồn trông” được lặp đi lặp lại bốn lần. Đây là điệp ngữ liên hoàn và đồng thời cũng là điệp khúc của tâm trạng. Kiều buồn nên Kiều mới trông cảnh vật, khác với đoạn trước, Kiều trông mới thấy buồn. Ở đây, vì buồn nên trông, mà càng trông thì Kiều lại càng buồn. Nỗi buồn cứ thế điệp đi điệp lại dâng lên thành lớp lớp sóng trào, cứ cuộn xoáy trong tâm khảm của Kiều mà trở thành gánh nặng tâm tư.

Buồn trông cửa bể chiều hôm
Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa?
Buồn trông ngọn nước mới sa
Hoa trôi man mác biết là về đâu?

Chiều hôm là khoảng thời gian của buổi chiều hoàng hôn, khi mà mặt trời đã dần dần ngả về tây, bóng tối bắt đầu xâm lấn. Xa xa là hình ảnh của một chiếc thuyền nhỏ bé, cô đơn thoắt ẩn, thoắt hiện thấp thoáng trên cửa biển; một cánh hoa đang trôi bất định trên dòng nước mà không biết đi về đâu. Hình ảnh chiếc thuyền, cánh hoa được đặt trong thế tương phản đối lập với vũ trụ không cùng của trời đất mênh mang càng tô đậm hơn sự nhỏ bé, đơn độc, đáng thương và tội nghiệp. Đây là hình ảnh ẩn dụ cho thân phận của Kiều lênh đênh, chìm nổi giữa dòng đời mà không biết trôi dạt về đâu. Và đứng trước một không gian bao la của trời đất, của buổi chiều hoàng hôn sắp tắt, nỗi nhớ nhà, nhớ người thân đến như một lẽ tất yếu trong lòng Kiều. Nhưng trong tình cảnh “bốn bề góc bể bơ vơ” thì Kiều biết bao giờ mới được sum họp, đoàn viên cùng với gia đình, người yêu. Vì thế câu hỏi tu từ cứ réo rắt, khắc khoải trong lòng của Kiều, dấy lên niềm khao khát được trở về nhà, trở về quê hương nơi chôn rau cắt rốn của mình.

Buồn trông nội cỏ rầu rầu
Chân mây mặt đất một màu xanh xanh

Ngước mắt trông về phía xa của cửa biển Kiều chỉ càng cảm thấy rộng trống, cơ đơn, buồn tủi. Kiều quay trở về nhìn xuống mặt đất quanh mình để tìm kiếm sự sống của cảnh vật xung quanh thì lại chỉ thấy những đám cỏ xanh héo úa, lụi tàn. Hình ảnh “nội cỏ rầu rầu” là một hình ảnh nhân hóa, biểu hiện tâm trạng của con người. Lòng người buồn nên nhìn đâu cũng thấy buồn; nỗi buồn của Kiều như thấm vào cảnh vật khiến cho cảnh vật cũng nhuốm màu tâm trạng. Trong văn học từ xưa tới nay, màu sắc xanh thường khiến chúng ta nghĩ tới màu của sự sống, của sự sinh sôi bất diệt. Nhưng cũng có trường hợp, màu xanh có khi trở thành màu sắc của bi kịch con người. Bài thơ “Chinh phụ ngâm” của Đặng Trần Côn đã diễn tả nỗi nhớ của người chinh phụ đối với người chồng của mình nơi biên ải qua màu xanh ngắt của cỏ lá:

“Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy
Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu
Ngàn dâu xanh ngắt một màu
Lòng chàng ý thiết ai sầu hơn ai?”

Như vậy, màu xanh ngắt, xanh xanh của cỏ lá đã trở thành màu của sự xa cách, sự li biệt và nhạt nhòa. Nay từ “xanh xanh” lại xuất hiện trong câu thơ của Nguyễn Du nên màu sắc ấy biểu trưng cho sự nhạt nhòa, sự chán nản, vô vọng của Kiều trước một khung cảnh thiếu vắng sự sống, cô đơn, và tẻ nhạt.

Buồn trông gió cuốn mặt duềnh
Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi.

Nếu như những bức tranh thiên nhiên bên trên đều được tái hiện trong trạng thái tĩnh thì khép lại bài thơ, bức tranh thiên nhiên được miêu tả trong trạng thái động. Đó là âm thanh dữ dội của gió, của sóng; gió làm cho mặt biển tung lên những con sóng ồ ạt đập vào bờ mà phát ra tiếng kêu. Nhưng quan trọng, tiếng sóng ấy không đơn thuần là những con sóng thực ở ngoài biển khơi mà đó còn là con sóng lòng của tâm trạng. Điệp khúc “buồn trông” ở những câu thơ trên kết đọng, tích tụ rồi dồn đẩy xuống câu thơ cuối khiến cho nỗi buồn ngày càng trở nên chồng chất như lớp lớp sóng trào. Đồng thời, tiếng sóng “ầm ầm” dữ dội ấy cũng chính hình ảnh ẩn dụ cho cuộc đời phong ba bão táp đã và đang đổ ập xuống đời Kiều, đổ ập xuống đôi vai gầy yếu của một cô gái trẻ đáng thương và tội nghiệp. Vì thế lúc này Kiều không chỉ buồn mà còn lo lắng, sợ hãi như đang rơi vào vực thẳm một cách bất lực.

Tóm lại: Tám câu thơ cuối, Nguyễn Du đã sử dụng thật tài tình bút pháp “tả cảnh ngụ tình” của văn học cổ điển để diễn tả tâm trạng “tình trong cảnh ấy, cảnh trong tình này” của Kiều khi bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích. Mỗi câu thơ là một bức tranh thực cảnh cũng chính là thực tình của một con người mang trong mình nỗi buồn đau chồng chất. Đó là nỗi đau đớn, xót xa, lo lắng và khắc khoải của một kiếp má đào, trôi nổi, vô định, mong manh và bế tắc không biết đi về nơi đâu. Vì thế, dù nàng “Thông minh vốn sẵn tính trời” nhưng đang đứng trước sự tuyệt vọng, yếu đuối của bản thân, Kiều đã bị Sở Khanh lừa gạt để rồi dấn thân vào một cuộc đời đầy sóng gió, truân chuyên “Thanh lâu hai lượt, thanh y hai lần”.

Qua việc phân tích ở trên, chúng ta thấy đoạn trích "Kiều ở lầu Ngưng Bích" là một trong những đoạn thơ hay, đặc sắc và thành công nhất trong Truyện Kiều về nghệ thuật miêu tả, khắc họa thế giới nội tâm nhân vật và nghệ thuật "tả cảnh ngụ tình". Qua đoạn thơ chúng ta thấy được tâm trạng, cảnh ngộ cô đơn, đáng thương, tội nghiệp và tấm lòng thủy chung son sắt với người yêu, hiếu thảo với cha mẹ của nàng Kiều, một con người tài hoa mà bạc mệnh!